

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về Tổng Công ty	1
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0105926285 ngày 26 tháng 6 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 6 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được sửa đổi bốn lần, lần gần nhất vào ngày 6 tháng 5 năm 2016.

Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này

**Đại diện Đài Truyền hình Việt Nam
Chủ sở hữu VTVcab**

Ông Hoàng Ngọc Huấn Chủ tịch

Ban Lãnh đạo

Ông Hoàng Ngọc Huấn Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Anh Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Sơn Đông Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Huy Năm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ninh Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Ngọc Huyền Kế toán trưởng

Ban Pháp Chế và Kiểm soát nội bộ

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền Trưởng ban
Ông Đinh Trung Dũng Phó trưởng ban

Người đại diện theo pháp luật

Ông Hoàng Ngọc Huấn Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

Số 844 Đường La Thành, Phường Giảng Võ,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Lãnh đạo của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Lãnh đạo của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty và các công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Lãnh đạo của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và các công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 50. Các báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Hoàng Ngọc Huân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 28 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI ĐẠI DIỆN ĐẠI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM, CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam (“Tổng Công ty”) và các công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Lãnh đạo Tổng Công ty phê duyệt ngày 28 tháng 4 năm 2017. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

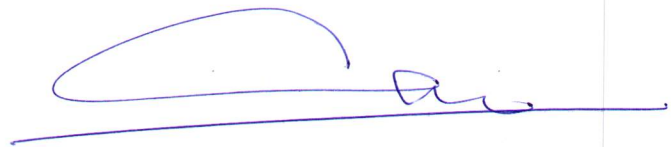
Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn hợp nhất (không bao gồm các khoản người mua trả tiền trước) vượt quá tài sản ngắn hạn hợp nhất là 225.599.870.353 Việt Nam Đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2016: 32.754.290.744 Việt Nam Đồng). Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Lãnh đạo, Tổng Công ty và các công ty con vẫn có thể duy trì khả năng thanh toán các khoản công nợ khi đến hạn bằng dòng tiền tạo ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh và các nguồn vốn khác trong đó có các khoản vay ngân hàng. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Trần Khắc Thế
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2043-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Hoàng Phan Quang
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3839-2016-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1782
Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2017

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		960.529.198.405	912.543.021.982
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	97.209.696.676	173.491.486.441
111	Tiền		75.254.696.676	95.115.235.876
112	Các khoản tương đương tiền		21.955.000.000	78.376.250.565
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		45.035.000.000	44.500.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	45.035.000.000	44.500.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		268.848.548.355	274.224.094.333
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	180.324.463.657	203.056.131.430
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	42.863.871.438	39.880.362.161
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	65.585.363.488	53.631.768.398
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(19.993.635.144)	(22.764.994.326)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		68.484.916	420.826.670
140	Hàng tồn kho	8	413.159.679.049	363.598.241.771
141	Hàng tồn kho		413.855.267.078	364.018.717.576
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(695.588.029)	(420.475.805)
150	Tài sản ngắn hạn khác		136.276.274.325	56.729.199.437
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	91.546.023.183	36.701.686.423
152	Thuế GTGT được khấu trừ		26.986.667.691	18.878.329.791
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	17.743.583.451	1.149.183.223

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.642.060.363.741	1.293.825.061.597
210	Các khoản phải thu dài hạn		29.807.877.680	32.780.177.680
211	Phải thu dài hạn của khách hàng		-	2.940.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	29.807.877.680	29.840.177.680
220	Tài sản cố định		741.218.125.243	599.553.679.899
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	708.983.876.787	573.119.640.184
222	Nguyên giá		1.977.977.427.089	1.556.569.112.192
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.268.993.550.302)	(983.449.472.008)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	32.234.248.456	26.434.039.715
228	Nguyên giá		64.631.793.598	43.418.309.959
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(32.397.545.142)	(16.984.270.244)
240	Tài sản dở dang dài hạn		187.999.307.227	202.525.422.252
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	187.999.307.227	202.525.422.252
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		114.379.813.189	29.694.468.491
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	114.379.813.189	10.885.516.179
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	-	76.985.587.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(c)	-	(58.176.634.688)
260	Tài sản dài hạn khác		568.655.240.402	429.271.313.275
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	493.500.001.421	331.417.137.481
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12	626.822.354	12.004.987.021
269	Lợi thế thương mại	13	74.528.416.627	85.849.188.773
270	TỔNG TÀI SẢN		2.602.589.562.146	2.206.368.083.579

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.985.069.710.505	1.600.779.115.208
310	Nợ ngắn hạn		1.378.048.637.716	1.170.330.498.659
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14(a)	521.662.421.004	505.315.579.702
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15(a)	191.919.568.958	225.033.185.933
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	16	7.847.479.886	20.708.811.745
314	Phải trả người lao động		68.125.613.802	65.955.984.115
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	22.854.638.423	39.452.720.918
319	Phải trả ngắn hạn khác	18(a)	127.858.560.351	66.251.932.396
320	Vay ngắn hạn	19(a)	400.952.430.224	182.825.244.619
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	36.827.925.068	64.787.039.231
330	Nợ dài hạn		607.021.072.789	430.448.616.549
331	Phải trả người bán dài hạn	14(b)	179.029.247.690	217.643.025.735
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	15(b)	116.917.024.655	13.919.381.438
337	Phải trả dài hạn khác	18(b)	18.508.793.482	17.613.572.259
338	Vay dài hạn	19(b)	290.147.272.512	179.585.385.867
342	Dự phòng phải trả dài hạn		2.418.734.450	1.687.251.250
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		617.519.851.641	605.588.968.371
410	Vốn chủ sở hữu		617.519.851.641	605.588.968.371
411	Vốn góp chủ sở hữu	21, 22	458.000.000.000	440.000.000.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	22	32.130.000.000	-
418	Quỹ đầu tư phát triển	22	44.943.291.785	43.569.406.313
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22	(39.153.219.864)	14.694.181.667
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	121.599.779.720	107.325.380.391
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.602.589.562.146	2.206.368.083.579

Nguyễn Hoàng Giang
Người lập

Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huân
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2016 VNĐ	31/12/2015 VNĐ (Trình bày lại)
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.155.226.193.925	2.017.944.983.525
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(11.165.299.435)	(1.320.295.118)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.144.060.894.490	2.016.624.688.407
11	Giá vốn hàng bán	(1.488.563.810.760)	(1.384.135.439.644)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	655.497.083.730	632.489.248.763
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.673.436.602	8.908.831.394
22	Chi phí tài chính	(38.960.257.079)	(86.150.663.436)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(39.126.861.703)	(21.366.529.701)
24	Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết	(23.037.360.526)	2.682.018.354
25	Chi phí bán hàng	(194.771.500.568)	(169.325.196.222)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(300.155.421.830)	(234.501.217.331)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	104.245.980.329	154.103.021.522
31	Thu nhập khác	1.348.200.957	18.689.598.437
32	Chi phí khác	(867.788.766)	(785.041.534)
40	Lợi nhuận khác - số thuần	480.412.191	17.904.556.903
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.726.392.520	172.007.578.425
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(16.874.134.599)	(46.872.780.452)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(11.378.164.667)	5.367.099.874
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	76.474.093.254	130.501.897.847
	<i>Phân bổ cho:</i>		
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	46.232.611.060	84.724.446.621
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	30.241.482.194	45.777.451.226



Nguyễn Hoàng Giang
Người lập



Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huấn
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2016 VNĐ	31/12/2015 VNĐ (Trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lãi kế toán thuần trước thuế	104.726.392.520	172.007.578.425
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	312.848.947.305	286.972.231.552
03	Các khoản dự phòng	(2.525.389.828)	38.851.172.932
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	447.097.010	2.842.471.786
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(5.185.527.100)	(8.853.646.024)
06	Chi phí lãi vay	39.126.861.703	21.366.529.701
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	449.438.381.610	513.186.338.372
09	Tăng các khoản phải thu	(92.006.306.961)	(100.962.698.119)
10	Tăng hàng tồn kho	(49.836.549.502)	(98.237.695.932)
11	Tăng các khoản phải trả	27.739.038.797	139.497.401.763
12	Tăng chi phí trả trước	(216.927.200.700)	(4.674.168.932)
14	Tiền lãi vay đã trả	(38.534.320.610)	(21.867.687.088)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(45.339.823.990)	(51.886.827.747)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	34.533.218.644	375.054.662.317
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(413.195.024.038)	(492.214.309.288)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	40.000.000	-
23	Chi cho vay	(18.735.000.000)	(24.597.291.893)
24	Thu hồi cho vay	18.200.000.000	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.175.644.042	8.662.708.054
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(408.514.379.996)	(508.148.893.127)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	627.367.040.631	327.229.576.542
34	Chi trả nợ gốc vay và lãi vay	(298.677.968.381)	(243.952.523.226)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(30.991.037.373)	(17.169.520.049)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	297.698.034.877	66.107.533.267
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(76.283.126.475)	(66.986.697.543)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	173.491.486.441	240.456.895.813
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.336.710	21.288.171
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	97.209.696.676	173.491.486.441

Nguyễn Hoàng Giang
Người lập

Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng

Hoàng Ngọc Huân
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam (“Tổng Công ty” hay “VTVcab”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105926285 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 6 năm 2012. Tiền thân của Tổng Công ty là Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật cáp trực thuộc Đài Truyền hình Việt Nam (“VTV”) được thành lập ngày 20 tháng 9 năm 1995. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty được sửa đổi bốn lần, lần gần nhất vào ngày 6 tháng 5 năm 2016.

Tổng Công ty là một công ty TNHH Một thành viên sở hữu toàn bộ bởi VTV. Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền;
- Thực hiện hoạt động viễn thông có dây (điều hành hệ thống phát bằng cáp);
- Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây;
- Quảng cáo truyền hình (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Thực hiện hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động môi giới bản quyền, sắp xếp cho việc mua-bán bản quyền; và
- Cung cấp dịch vụ viễn thông và thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết là:

Công ty	Địa điểm	Ngành nghề chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con:				
- Công ty CP Công nghệ Việt Thành (i)	Hồ Chí Minh	Dịch vụ truyền hình trả tiền	51%	51%
- Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam (ii)	Hà Nội	Dịch vụ truyền hình trả tiền	51%	51%
Công ty liên kết:				
- Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI (iii)	Hồ Chí Minh	Dịch vụ mua sắm truyền hình	25%	25%
- Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện (iv)	Hà Nội	Dịch vụ trực tuyến, làm phim truyền hình, quảng cáo	20%	20%
- Công ty CP VTVcab Nam Định (v)	Nam Định	Dịch vụ truyền hình trả tiền	39%	39%

(i) Công ty CP Công nghệ Việt Thành:

Công ty CP Công nghệ Việt Thành (“VITA”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302807495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất (lần thứ 15) ngày 19 tháng 12 năm 2016. Vốn điều lệ của VITA là 105.000.000.000 VNĐ. Trong đó, Tổng Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VITA là tiến hành các hoạt động viễn thông có dây, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, cung cấp dịch vụ lắp đặt truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

(ii) Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam:

Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam (“VTVlive”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105941484 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 11 tháng 7 năm 2012 và thay thế bằng Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần thứ 7 ngày 8 tháng 9 năm 2015. Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp gần nhất đề ngày 27 tháng 2 năm 2017. Vốn điều lệ của VTVlive là 32.000.000.000 VNĐ. Trong đó, Tổng Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. VTVlive hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ truyền thông, truyền hình; đầu tư phát triển các hạ tầng truyền thông đa phương tiện; phát triển công nghiệp nội dung số, cơ sở dữ liệu truyền thông đa phương tiện; và cung cấp nội dung và phát triển mạng lưới.

(iii) Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI:

Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI (“VTV-HYUNDAI”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313572904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 12 năm 2015 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất (lần thứ 3) ngày 27 tháng 12 năm 2016. Vốn điều lệ của VTV-HYUNDAI là 420.000.000.000 VNĐ, tương đương với 20.000.000 Đô la Mỹ. Trong đó, Tổng Công ty chiếm 25% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VTV-HYUNDAI là sản xuất phim, chương trình truyền hình. Trong năm, Tổng Công ty đã góp vốn vào VTV-HYUNDAI bằng phi sử dụng độc quyền bí quyết kỹ thuật phát sóng kênh mua sắm tại nhà cho giai đoạn tám năm từ ngày 1 tháng 3 năm 2016 đến ngày 29 tháng 2 năm 2024.

(iv) Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện

Công ty Cổ phần Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện (“Smart Media”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103022641 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi gần nhất (lần thứ 6) ngày 19 tháng 4 năm 2016. Vốn điều lệ của Smart Media là 90.000.000.000 VNĐ. Trong đó, Tổng Công ty chiếm 20% vốn điều lệ. Ban đầu, Smart Media là công ty liên kết của Đài Truyền hình Việt Nam (“VTV”). Trong năm 2016, VTV đã chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn góp tại Smart Media cho VTVcab. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Smart Media là kinh doanh dịch vụ quảng cáo đa phương tiện, tổ chức sự kiện, hoạt động quan hệ công chúng; tư vấn, thiết kế trong lĩnh vực quảng cáo, tiếp thị; sản xuất và mua bán các sản phẩm quảng cáo; cung cấp và khai thác nội dung, thông tin, dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông, Internet và các phương tiện thông tin đại chúng; dịch vụ đào tạo trong lĩnh vực truyền thông, quảng cáo; mua bán thiết bị, máy móc phục vụ trong ngành truyền thông, viễn thông, công nghệ thông tin.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

(v) Công ty CP VTVcab Nam Định

Công ty CP VTVcab Nam Định (“VTVcab Nam Định”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600339309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 6 năm 2005 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất (lần thứ 6) ngày 6 tháng 10 năm 2015. Vốn điều lệ của VTVcab Nam Định là 21.034.200.000 VNĐ. Trong đó, Tổng Công ty chiếm 39% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VTVcab Nam Định là kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có 2.589 nhân viên (2015: 2.592 nhân viên), bao gồm nhân viên của VTVcab và các công ty con.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng nợ ngắn hạn hợp nhất (nhưng không bao gồm các khoản người mua trả tiền trước) vượt quá tổng tài sản ngắn hạn hợp nhất là 225.599.870.353 VNĐ (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 32.754.290.744 VNĐ), trong đó có 96.406.265.071 VNĐ (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 24.469.629.123 VNĐ) là các khoản phải trả cho các công ty liên quan (Thuyết minh 33(b)). Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Lãnh đạo, Tổng Công ty và các công ty con vẫn có thể duy trì khả năng thanh toán các khoản công nợ khi đến hạn bằng dòng tiền tạo ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh và các nguồn vốn khác trong đó có các khoản vay ngân hàng. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VNĐ”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Tổng Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư 202/2014/TT-BTC – Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng Công ty áp dụng.

Công ty liên kết và công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng Công ty vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng Công ty trong các bên liên doanh, liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty và các công ty con áp dụng.

2.5 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong hợp nhất kinh doanh trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Lãnh đạo đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận bằng hợp đồng của Tổng Công ty hay các công ty con với một hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Trừ khi có thỏa thuận nêu rõ trong hợp đồng hợp tác kinh doanh, tài sản cố định do các bên góp vốn cùng xây dựng chung (mạng truyền hình cáp) để tiến hành hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sẽ được bàn giao sang cho một bên vận hành và kinh doanh. Bên vận hành và kinh doanh sẽ ghi nhận toàn bộ giá trị tài sản cố định đầu tư chung này là tài sản cố định của mình còn phần vốn góp của đối tác sẽ ghi nhận là khoản phải trả dài hạn khác trên báo cáo tài chính của mình. Bên còn lại sẽ ghi phần góp vốn xây dựng tài sản bàn giao là khoản phải thu dài hạn khác trên báo cáo tài chính của mình.

Tài sản đồng kiểm soát bởi các bên tham gia liên doanh là tài sản được các bên tham gia liên doanh mua, xây dựng, được sử dụng cho mục đích của liên doanh và mang lại lợi ích cho các bên tham gia liên doanh theo quy định của Hợp đồng liên doanh. Các bên tham gia liên doanh được ghi nhận phần giá trị tài sản đồng kiểm soát mà mình được hưởng là tài sản trên Báo cáo tài chính của mình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Đầu tư (tiếp theo)

(b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (tiếp theo)

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh. Bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Lãnh đạo Tổng Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao/hao mòn lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu ích ước tính của tài sản. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20% - 4%
Máy móc thiết bị	
- Mạng truyền hình cáp	33,33% - 10%
- Máy móc, thiết bị khác	33,33% - 20%
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	33,33% - 20%
Phần mềm	33,33% - 20%

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý nhượng bán tài sản cố định với giá trị còn lại của tài sản và chi phí thanh lý nhượng bán, và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty và các công ty con. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ.

2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tổng Công ty và các công ty con đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tổng Công ty và các công ty con trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu: phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi/lỗ) sau thuế thu nhập của Tổng Công ty và các công ty con tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phân chia lợi nhuận thuần

Phân phối lợi nhuận thuần của Tổng Công ty được thực hiện theo quyết định của Đại Hội Truyền hình Việt Nam và theo hướng dẫn của Nghị định 91/2015/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Phân phối lợi nhuận thuần của các công ty con được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của các công ty con và theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tổng Công ty và các công ty con dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tổng Công ty và các công ty con thì Tổng Công ty và các công ty con phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ bản quyền

Thu nhập từ bản quyền được ghi nhận theo nguyên tắc trích trước phù hợp với nội dung của các thỏa thuận có liên quan.

(e) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong năm mà Tổng Công ty và các công ty con được quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận là các khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ.

2.22 Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

2.26 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.26 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.27 Chia cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua.

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty và các công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty và các công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty và các công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty và các công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty và các công ty con, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty và các công ty con căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Tiền mặt	3.331.321.654	2.143.539.786
Tiền gửi ngân hàng	7171.923.375.022	92.971.696.090
Các khoản tương đương tiền (*)	2121.955.000.000	78.376.250.565
	<u>97.209.696.676</u>	<u>173.491.486.441</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31.12.2016	1.1.2016
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng công ty (*)	45.035.090.000,00	44.800.000.000,00

(*) Tiền gửi ngân hàng là các khoản tiền gửi ngắn hạn công ty nhận được tại các ngân hàng có dưới 12 tháng đáo hạn trả lãi suất từ 0,50% - 0,58%/năm.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết, liên kết

	31.12.2016		1.1.2016	
	Giá gốc	Đánh giá lại	Giá gốc	Đánh giá lại
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Sản xuất truyền hình VTW HUYNDAM (số vốn 26/25%) (i)	87.451.472.600,00	-	-	-
Công ty CP Truyền hình Công nghệ cao Đạ Phuoc (số vốn 20%) (ii)	18.098.000.000,00	-	-	-
Công ty CP Việt Nam Định (số vốn 29/20%) (iii)	8.812.600.000,00	-	40.885.518.179,179	-
	114.379.313.889,189	-	40.885.518.179,179	-

Tỷ lệ đến cuối năm của đầu tư với công ty liên kết (đơn vị tỷ đồng sau):

		31.12.2016	2016
		VND	VND
Số dư đầu năm	Số dư đầu năm	10.885.518.179,179	10.885.518.179,179
Phân bổ cổ tức	Phân bổ cổ tức trong năm (23.000 cổ phiếu)	123.827.162,536	2.682.018.384
Nhiệm vụ tài trợ công ty	Nhiệm vụ tài trợ công ty liên kết (1.743.342,434)	(233.430,740)	(468.410,714)
Vốn góp trong năm	Vốn góp trong năm	129.275.000,000	-
Điều chỉnh khác	Điều chỉnh khác	(3.000,000)	(4.550,000)
Số dư cuối năm	Số dư cuối năm	10.885.518.179,179	10.885.518.179,179

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31.12.2016		1.1.2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Đầu tư vào các công ty con của Công ty TNHH Thương mại TC	-	-	76.985.587.000	(58.176.634.688)

Đầu tư vào các công ty con của công ty TNHH Thương mại TC liên quan tới hai hợp đồng là i) Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp; và ii) Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh cùng ký vào ngày 31 tháng 8 năm 2013 giữa VTVcab và Công ty TNHH Thương mại TC (“TC”).

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn, VTVcab mua lại 70% vốn đầu tư của TC tại 5 công ty con của TC tại Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Thuận, Sóc Trăng, và Huế, bao gồm 70% vốn đầu tư mạng truyền hình cáp của TC tại các công ty con này. Các công ty con của TC đã thực hiện thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cập nhật VTVcab là thành viên có vốn góp 70% vốn điều lệ. Ngày 31 tháng 12 năm 2013, VTVcab và TC đã ký Biên bản thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng vốn này trong đó nêu rõ các bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Hợp đồng và không bên nào có bất kỳ khiếu nại gì.

Theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh giữa VTVcab và TC, hai bên thống nhất giải thể các công ty con và toàn bộ vốn góp tương ứng với vốn đầu tư tài sản mạng truyền hình cáp sẽ được hai bên chuyển vào chi nhánh VTVcab tại địa bàn để hợp tác kinh doanh. Tuy nhiên, việc bàn giao tài sản mạng để hợp tác đầu tư chưa được thực hiện do các công ty con chưa được giải thể xong. Vào ngày 1 tháng 10 năm 2013 và ngày 31 tháng 10 năm 2013, hai bên ký các biên bản thỏa thuận về việc phối hợp hoàn tất các thủ tục để tiến hành giải thể các công ty con và trong thời gian bắt đầu từ thời điểm chuyển nhượng cho đến khi các công ty con giải thể xong thì TC vẫn nắm giữ quyền kiểm soát tại các công ty con này và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động cũng như các khoản công nợ của các công ty con này cho đến khi các công ty con được chính thức giải thể xong.

Trong năm 2016, các công ty con TC tại các địa bàn Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Thuận đã chính thức giải thể xong. Đến thời điểm ngày 7 tháng 4 năm 2017, các công ty con của TC tại địa bàn Huế, Sóc Trăng đã hoàn thành thủ tục giải thể. Các mạng truyền hình cáp đã được bàn giao cho VTVcab vận hành, quản lý. Do đó, Ban Lãnh đạo Tổng Công ty đánh giá và ghi nhận tài sản được bàn giao (theo giá trị được bên thứ ba thẩm định, đánh giá lại) là tài sản thuộc sở hữu của VTVcab, đồng thời ghi giảm khoản mục đầu tư vào đơn vị khác và các khoản dự phòng đã lập trước đó.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã mua lại 30% mạng truyền hình cáp còn lại từ TC tại ba địa bàn đã giải thể là Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Thuận theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản và bàn giao toàn bộ tài sản mạng truyền hình cáp cho các chi nhánh để theo dõi và hạch toán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Bên thứ ba	159.785.935.319	180.828.492.697
<i>Chi tiết các khách hàng chiếm trên 10% trong tổng phải thu khách hàng bao gồm:</i>		
- Công ty CP Chuỗi thực phẩm TH	-	23.717.850.000
- Công ty CP Truyền thông Bóng đá Việt Nam	22.320.840.000	17.200.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	20.538.528.338	22.227.638.733
	<u>180.324.463.657</u>	<u>203.056.131.430</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(19.993.635.144)	(22.764.994.326)
<i>Chi tiết các khách hàng chiếm trên 10% trong tổng phải thu khách hàng bao gồm:</i>		
- Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam (bên liên quan)	(13.114.972.727)	(18.687.272.727)
	<u>(19.993.635.144)</u>	<u>(22.764.994.326)</u>

Biến động về dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	22.764.994.326	42.354.725.092
Tăng dự phòng	2.800.940.818	114.025.000
Hoàn nhập dự phòng khoản phải thu khó đòi (*)	(5.572.300.000)	(19.703.755.766)
	<u>19.993.635.144</u>	<u>22.764.994.326</u>

(*) Đây là khoản hoàn nhập dự phòng nợ cho khoản phải thu từ Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam. Trong năm 2016, công ty này đã thanh toán cho VTCab số tiền là 5.572.300.000 VNĐ.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Bên thứ ba	42.863.871.438	39.880.362.161
<i>Chi tiết các khách hàng chiếm trên 10% trong tổng phải thu khách hàng bao gồm:</i>		
- Công ty TNHH Thương mại TC	12.219.475.447	12.219.475.447
- Công ty CP Điện ảnh truyền hình	7.889.800.000	-
- Công ty CP Tập đoàn HIPT	7.717.915.260	-
	<u>42.863.871.438</u>	<u>39.880.362.161</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31.12.2016	1.1.2016
	VNĐ	VNĐ
Bên thứ ba		
Phải thu từ các bên hợp tác kinh doanh (*)	48.742.661.888	34.175.149.630
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.295.086.600	1.272.695.600
Tạm ứng	1.544.449.788	2.549.280.670
Khác	11.706.230.572	15.366.231.783
	<u>63.288.428.848</u>	<u>53.363.357.683</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	2.296.934.640	268.410.715
	<u>65.585.363.488</u>	<u>53.631.768.398</u>

(*) Phải thu từ các bên hợp tác kinh doanh là khoản phải thu liên quan tới lợi nhuận được chia từ các hợp đồng BCC giữa VTVcab và các bên đối tác hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp để cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình số và các dịch vụ, hàng hóa liên quan khác.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31.12.2016	1.1.2016
	VNĐ	VNĐ
Phải thu từ các đơn vị hợp tác kinh doanh (*)	28.597.921.280	28.597.921.280
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.209.956.400	1.242.256.400
	<u>29.807.877.680</u>	<u>29.840.177.680</u>

(*) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty chuyển cho các đối tác để thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh doanh nhằm xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp mà trong đó các mạng truyền hình cáp được bàn giao cho đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh vận hành và khai thác (Thuyết minh 2.9(b)).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Phải thu dài hạn khác (tiếp theo)

Chi tiết các khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với các đơn vị khác như sau:

	31.12.2016	1.1.2016
	VNĐ	VNĐ
Công ty CP Truyền hình cáp Nghệ An (Nghệ An)	9.286.774.536	9.286.774.536
Công ty CP Đầu tư Truyền hình cáp HT (Hà Tĩnh)	5.105.450.000	5.105.450.000
Công ty CP Điện tử Tin học Viễn thông Eliteco (Hải Phòng)	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Điện tử Thái Bình (Thái Bình)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Truyền hình cáp Hải Dương (Hải Dương)	3.976.158.921	3.976.158.921
Công ty CP Minh Trí (Quảng Ninh)	2.950.866.511	2.950.866.511
Công ty TNHH Thương mại viễn thông Nhật Tân (Bà Rịa Vũng Tàu)	278.671.312	278.671.312
	<u>28.597.921.280</u>	<u>28.597.921.280</u>

8 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2016		1.1.2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng đang đi trên đường	1.096.579.730	-	86.383.300	-
Nguyên vật liệu tồn kho	272.437.361.302	(431.319.019)	176.842.489.057	(156.206.795)
Công cụ, dụng cụ trong kho	9.282.857.261	-	8.684.916.939	-
Hàng hóa	104.898.159.250	(264.269.010)	147.079.398.904	(264.269.010)
Hàng gửi bán	5.905.750.000	-	10.856.021.009	-
Chi phí SXKD dở dang	20.234.559.535	-	20.469.508.367	-
	<u>413.855.267.078</u>	<u>(695.588.029)</u>	<u>364.018.717.576</u>	<u>(420.475.805)</u>

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31.12.2016	1.1.2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí quảng cáo, bản quyền chương trình truyền hình	76.177.472.385	25.929.447.838
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.260.909.913	2.284.889.089
Thuê văn phòng	5.270.566.239	2.928.531.197
Chi phí khác	5.837.074.646	5.558.818.299
	<u>91.546.023.183</u>	<u>36.701.686.423</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Lợi thế thương mại (*)	229.761.692.010	200.726.455.321
Chi phí quảng cáo, bản quyền chương trình truyền hình	79.179.925.602	50.808.451.182
Đầu thu SD, HD	130.573.276.176	53.922.393.770
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.803.288.627	8.427.430.845
Chi phí khác	25.181.819.006	17.532.406.363
	493.500.001.421	331.417.137.481

(*) Lợi thế thương mại: phát sinh từ việc VTVcab mua lại các mạng truyền hình cáp bao gồm các tài sản cố định và số thuê bao truyền hình cáp của các mạng truyền hình cáp đó. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa số tiền mà VTVcab đã bỏ ra mua và giá trị hợp lý của các tài sản được đánh giá lại. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm kể từ ngày được bàn giao các mạng truyền hình cáp.

Biến động của lợi thế thương mại trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	200.726.455.321	220.630.626.269
Tăng trong năm (**)	57.910.503.777	4.158.520.657
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 29)	(28.875.267.088)	(24.062.691.605)
Số dư cuối năm	229.761.692.010	200.726.455.321

(**) Tăng trong năm của lợi thế thương mại là khoản phát sinh từ việc mua lại hệ thống mạng truyền hình cáp của Công ty TNHH Truyền hình cáp Alpha Quảng Ninh tại chi nhánh Quảng Ninh và việc mua lại 30% hệ thống mạng truyền hình cáp của các công ty con TC đã giải thể xong tại địa bàn Trà Vinh, Đồng Tháp và Bình Thuận.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	35.052.841.339	1.485.106.416.740	11.471.516.206	24.938.337.907	1.556.569.112.192
Tăng do nhận bàn giao sau khi giải thể các công ty con của TC (Thuyết minh (4(c)))	-	15.501.598.382	-	-	15.501.598.382
Mua mới trong năm	68.824.639	105.829.881.164	5.557.281.817	2.273.588.994	113.729.576.614
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 11)	-	292.680.628.810	-	97.450.000	292.778.078.810
Thanh lý, nhượng bán	-	(600.938.909)	-	-	(600.938.909)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>35.121.665.978</u>	<u>1.898.517.586.187</u>	<u>17.028.798.023</u>	<u>27.309.376.901</u>	<u>1.977.977.427.089</u>
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	(3.641.574.119)	(964.951.453.384)	(7.805.631.956)	(7.050.812.549)	(983.449.472.008)
Khấu hao trong năm	(1.499.589.347)	(278.481.994.001)	(1.792.527.068)	(4.340.789.845)	(286.114.900.261)
Thanh lý, nhượng bán	-	570.821.967	-	-	570.821.967
Tăng/(giảm) khác	-	112.414.110	-	(112.414.110)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>(5.141.163.466)</u>	<u>(1.242.750.211.308)</u>	<u>(9.598.159.024)</u>	<u>(11.504.016.504)</u>	<u>(1.268.993.550.302)</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	<u>31.411.267.220</u>	<u>520.154.963.356</u>	<u>3.665.884.250</u>	<u>17.887.525.358</u>	<u>573.119.640.184</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>29.980.502.512</u>	<u>655.767.374.879</u>	<u>7.430.638.999</u>	<u>15.805.360.397</u>	<u>708.983.876.787</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 895.499.017.735 VNĐ (2015: 594.236.037.130 VNĐ).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.252.780.000	40.165.529.959	43.418.309.959
Mua mới trong năm	-	13.580.297.130	13.580.297.130
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 11)	-	7.633.186.509	7.633.186.509
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>3.252.780.000</u>	<u>61.379.013.598</u>	<u>64.631.793.598</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	-	(16.984.270.244)	(16.984.270.244)
Khấu hao trong năm	-	(15.413.274.898)	(15.413.274.898)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>-</u>	<u>(32.397.545.142)</u>	<u>(32.397.545.142)</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	<u>3.252.780.000</u>	<u>23.181.259.715</u>	<u>26.434.039.715</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>3.252.780.000</u>	<u>28.981.468.456</u>	<u>32.234.248.456</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 12.784.887.282 VNĐ (2015: 4.408.262.634VNĐ).

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	202.525.422.252	150.502.439.568
Tăng từ mua sắm và xây dựng cơ bản	285.885.150.294	298.899.258.756
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(292.778.078.810)	(246.876.276.072)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 10(b))	(7.633.186.509)	-
Số dư cuối năm	<u>187.999.307.227</u>	<u>202.525.422.252</u>

Số dư cuối năm của chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt các mạng truyền hình cáp mà VTCab đang tiến hành xây dựng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

12 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số dư của thuế thu nhập hoãn lại tại thời điểm cuối năm như sau:

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	626.822.354	12.004.987.021

Biến động của thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	12.004.987.021	6.637.887.147
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 31)	(11.378.164.667)	5.367.099.874
Số dư cuối năm	626.822.354	12.004.987.021

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh chủ yếu từ các khoản dự phòng của Tổng Công ty bao gồm dự phòng các khoản đầu tư tài chính và dự phòng trợ cấp thôi việc.

13 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	74.528.416.627	85.849.188.773

Biến động của lợi thế thương mại trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	85.849.188.773	97.169.960.919
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (Thuyết minh 29)	(11.320.772.146)	(11.320.772.146)
Số dư cuối năm	74.528.416.627	85.849.188.773

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
(a) Ngắn hạn		
Bên thứ ba	477.080.241.483	480.846.075.179
<i>Chi tiết các nhà cung cấp chiếm trên 10% trong tổng phải trả người bán bao gồm:</i>		
- Công ty TNHH Truyền thông và Tin học PAMA	21.056.632.012	51.784.169.711
- Công ty CP Công nghệ Đông Dương	84.977.387.473	67.053.985.116
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	44.582.179.521	24.469.504.523
	<u>521.662.421.004</u>	<u>505.315.579.702</u>
(b) Dài hạn		
Bên thứ ba	179.029.247.690	217.643.025.735
<i>Chi tiết các nhà cung cấp chiếm trên 10% trong tổng phải trả người bán bao gồm:</i>		
- Công ty CP Công nghệ Đông Dương	132.213.079.240	37.621.408.308
- Công ty TNHH Truyền thông và Tin học PAMA	10.513.800.000	36.713.600.000
- Công ty TNHH Đầu tư TM và Dịch vụ Long Hưng	-	30.925.258.147
- Công ty CP Công nghệ và Truyền hình - Tekcast	19.590.868.450	27.858.614.450
- Công ty TNHH Kaon Media	-	15.920.269.090

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
(a) Ngắn hạn		
Bên thứ ba (*)	174.966.831.107	218.331.557.903
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b)) (**)	16.952.737.851	6.701.628.030
	<u>191.919.568.958</u>	<u>225.033.185.933</u>
(b) Dài hạn		
Bên thứ ba (*)	10.910.727.299	13.919.381.438
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b)) (**)	106.006.297.356	-
	<u>116.917.024.655</u>	<u>13.919.381.438</u>

(*) Khoản mục này chủ yếu bao gồm số tiền trả trước của các thuê bao truyền hình cáp và truyền hình kỹ thuật số.

(**) Khoản mục này chủ yếu bao gồm phí sử dụng độc quyền bí quyết kỹ thuật phát sóng kênh mua sắm tại nhà theo hợp đồng sử dụng bí quyết kỹ thuật phát sóng kênh mua sắm tại nhà số 01/2016/HĐSDBQKT/VTVcab-VTV-HYUNDAI mà VTVcab dùng làm tài sản góp vốn vào Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI (Thuyết minh 4(b)).

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	4.932.810.701	16.645.833.746
Thuế thu nhập cá nhân	92.020.744	25.526.028
Thuế giá trị gia tăng	2.801.756.388	4.005.443.924
Khác	20.892.053	32.008.047
	<u>7.847.479.886</u>	<u>20.708.811.745</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp ngân sách Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VNĐ	Số phải nộp trong năm VNĐ	Số đã thực nộp trong năm VNĐ	Chuyển sang từ phải nộp VNĐ	Tại ngày 31.12.2016 VNĐ
(a) Phải thu					
Thuế thu nhập cá nhân	1.149.183.223	-	-	(401.544.153)	747.639.070
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	16.995.944.381	16.995.944.381
	<u>1.149.183.223</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>16.594.400.228</u>	<u>17.743.583.451</u>
	Tại ngày 1.1.2016 VNĐ	Số phải nộp trong năm VNĐ	Số đã thực nộp trong năm VNĐ	Chuyển sang từ phải thu VNĐ	Tại ngày 31.12.2016 VNĐ
(b) Phải nộp					
Thuế GTGT đầu ra	4.005.443.924	69.244.032.237	(70.447.719.773)	-	2.801.756.388
Thuế thu nhập cá nhân	25.526.028	5.914.778.001	(5.446.739.132)	(401.544.153)	92.020.744
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.645.833.746	16.630.856.564	(45.339.823.990)	16.995.944.381	4.932.810.701
Khác	32.008.047	18.050.279.177	(18.061.395.171)	-	20.892.053
	<u>20.708.811.745</u>	<u>109.839.945.979</u>	<u>(139.295.678.066)</u>	<u>16.594.400.228</u>	<u>7.847.479.886</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2016	1.1.2016
	VNĐ	VNĐ
Bên thứ ba		
Chi phí lãi vay	1.770.101.625	1.177.560.532
Chi phí bản quyền	7.426.153.141	8.133.037.231
Chi phí quảng cáo	1.319.399.709	8.711.618.423
Chi phí sản xuất chương trình	3.645.090.909	5.724.200.003
Chi phí phải trả khác	8.693.893.039	14.307.133.819
	<u>22.854.638.423</u>	<u>38.053.550.008</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))		
Chi phí bản quyền	-	1.143.736.363
Chi phí phải trả khác	-	255.434.547
	<u>-</u>	<u>1.399.170.910</u>
	<u>22.854.638.423</u>	<u>39.452.720.918</u>

18 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	31.12.2016	1.1.2016
	VNĐ	VNĐ
Bên thứ ba		
Phải trả khác cho các bên hợp tác kinh doanh (i)	25.307.201.102	23.782.119.639
Khác (ii)	50.727.273.699	42.469.688.157
	<u>76.034.474.801</u>	<u>66.251.807.796</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b)) (iii)	51.824.085.550	124.600
	<u>127.858.560.351</u>	<u>66.251.932.396</u>

(i) Phải trả khác cho các bên hợp tác kinh doanh là khoản phải trả liên quan tới lợi nhuận VTVCab phân chia cho các bên hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp để cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình số và các dịch vụ, hàng hóa liên quan khác.

(ii) Số dư bao gồm khoản phải trả cho Công ty TNHH Thương mại TC số tiền là 19.239.136.416 VNĐ chủ yếu để mua lại 30% mạng truyền hình cáp của các công ty con TC tại các địa bàn đã giải thể xong (Thuyết minh 4(c)).

(iii) Khoản mục này chủ yếu là số dư phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho Đài Truyền hình Việt Nam ("VTV") liên quan đến việc phân phối lợi nhuận của năm 2015 và 2016 về VTV theo quyết định số 877/QĐ-THVN ngày 29 tháng 6 năm 2016 và tờ trình tạm phân phối lợi nhuận ngày 22 tháng 3 năm 2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

18 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

Phải trả dài hạn khác là các khoản góp vốn của các đối tác chuyển cho Tổng Công ty để thực hiện các hợp đồng BCC nhằm xây dựng, vận hành và kinh doanh các trạm truyền hình cáp mà trong đó các mạng truyền hình cáp được chuyển cho Tổng Công ty trong hợp đồng BCC để vận hành và khai thác (Thuyết minh 2.9(b)).

	2016	2015
	VNĐ	VNĐ
Công ty CP Sông Việt Thanh Hóa (Thanh Hóa, Thái Nguyên, Phú Thọ)	5.486.977.045	5.486.977.045
Công ty CP Phát triển công nghệ Sao Nam (Thái Nguyên)	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Phát triển Viễn thông Sao Đỏ (Bắc Giang)	3.845.298.115	3.845.298.115
Công ty TNHH Điện tử Sao Đỏ (Bắc Giang, Ninh Bình)	7.081.297.099	7.081.297.099
Công ty TNHH Văn Minh Diễn Châu (Nghệ An)	895.221.223	-
	<u>18.508.793.482</u>	<u>17.613.572.259</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

19 CÁC KHOẢN VAY

	Tại ngày 1.1.2016 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Phân loại lại gốc vay ngắn hạn VNĐ	Tại ngày 31.12.2016 VNĐ
(a) Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng (*)	182.825.244.619	325.861.490.972	(291.043.049.292)	183.308.743.925	400.952.430.224
(b) Vay dài hạn					
Vay ngân hàng (**)	179.585.385.867	301.505.549.659	(7.634.919.089)	(183.308.743.925)	290.147.272.512

(*) Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng tại Việt Nam có thời hạn vay không quá 12 tháng nhằm mục đích huy động nguồn vốn kinh doanh cho Tổng Công ty và được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ vốn vay và doanh thu thu được từ tài sản hình thành từ vốn vay. Các khoản vay có thời hạn vay dưới một năm và có mức lãi suất từ 5,5% đến 7,7% mỗi năm.

(**) Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng tại Việt Nam có thời hạn vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng phục vụ cho mục đích huy động nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty và chủ yếu được đảm bảo bởi các tài sản hình thành từ vốn vay, doanh thu thu được từ tài sản hình thành từ vốn vay và cổ phần của Tổng Công ty tại công ty con. Các khoản vay có mức lãi suất/năm từ 6,5% đến 9,4% được tính và điều chỉnh dựa theo lãi suất huy động tiết kiệm (12 hoặc 24 tháng) hoặc lãi suất cho vay dành cho doanh nghiệp (3 tháng) cộng thêm 1,2% đến 2,5% tùy theo thỏa thuận của từng hợp đồng vay ký kết với ngân hàng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	36.827.925.068	64.787.039.231

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ (Trình bày lại)
Tại ngày 1 tháng 1	64.787.039.231	56.363.877.940
Trích từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh 22)	34.983.279.209	65.181.557.318
Điều chỉnh theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 22)	-	709.742.235
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi để chuyển lợi nhuận về VTV và trích quỹ đầu tư phát triển (*)	(32.688.757.765)	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	(30.253.635.607)	(57.468.138.262)
Tại ngày 31 tháng 12	36.827.925.068	64.787.039.231

(*) Năm 2015, VTVcab đã tạm trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 63.072.607.765 theo Tờ trình ngày 26 tháng 2 năm 2016 được phê duyệt bởi Chủ tịch Tổng Công ty. Tuy nhiên, theo Quyết định số 877/QĐ-THVN ngày 29 tháng 6 năm 2016, Đài Truyền hình Việt Nam (“VTV”) đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 của VTVcab. Căn cứ vào quyết định này, trong năm 2016, Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi để trích quỹ đầu tư phát triển và chuyển lợi nhuận về Đài Truyền hình Việt Nam với số tiền lần lượt là 2.688.757.765 VNĐ, 30.000.000.000 VNĐ (Thuyết minh 22).

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã trả cho Đài Truyền hình Việt Nam số tiền là 15.000.000.000 VNĐ.

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	<u>Vốn điều lệ</u>		<u>Vốn đã góp</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>	<u>VNĐ</u>
Đài Truyền hình Việt Nam (“VTV”)	458.000.000.000	100	458.000.000.000

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 26 tháng 6 năm 2012 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 458.000.000.000 VNĐ và đã được góp đủ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	440.000.000.000	-	18.970.581.750	21.163.161.676	480.133.743.426
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	82.118.738.049	82.118.738.049
Chia lỗ các năm trước cho đơn vị hợp tác kinh doanh liên quan đến hợp đồng BCC	-	-	-	436.697.486	436.697.486
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	22.702.858.226	(22.702.858.226)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(65.181.557.318)	(65.181.557.318)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (Công ty con - VITA)	-	-	-	(1.140.000.000)	(1.140.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	440.000.000.000	-	41.673.439.976	14.694.181.667	496.367.621.643
Điều chỉnh theo kết quả Kiểm toán Nhà nước (i)					
- Tăng lợi nhuận (ròng)	-	-	-	2.605.708.572	2.605.708.572
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(709.742.235)	(709.742.235)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.895.966.337	(1.895.966.337)	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 (sau điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước)	440.000.000.000	-	43.569.406.313	14.694.181.667	498.263.587.980

- (i) Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của VTCab đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm tra trong năm 2016. Tổng Công ty đã thực hiện các điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước vào báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2015. Chi tiết các khoản mục được điều chỉnh theo các điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước được trình bày trong Thuyết minh 36.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 (sau điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước)	440.000.000.000	-	43.569.406.313	14.694.181.667	498.263.587.980
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi đã trích năm 2015 (Thuyết minh 20)	-	-	-	32.688.757.765	32.688.757.765
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 20)	-	-	2.688.757.765	(2.688.757.765)	-
Chuyển lợi nhuận năm 2015 về Đài Truyền hình Việt Nam (Thuyết minh 20)	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Chia lỗ các năm trước cho đơn vị hợp tác kinh doanh liên quan đến hợp đồng BCC	-	-	-	3.498.394.325	3.498.394.325
Vốn tăng trong năm (ii),(iii)	18.000.000.000	32.130.000.000	(32.130.000.000)	-	18.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	46.232.611.060	46.232.611.060
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2016 (Thuyết minh 20)	-	-	-	(34.983.279.209)	(34.983.279.209)
Trích quỹ đầu tư phát triển cho năm 2016	-	-	30.815.127.707	(30.815.127.707)	-
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (Công ty con - VITA)	-	-	-	(1.140.000.000)	(1.140.000.000)
Chuyển lợi nhuận năm 2016 về Đài Truyền hình Việt Nam	-	-	-	(36.640.000.000)	(36.640.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>458.000.000.000</u>	<u>32.130.000.000</u>	<u>44.943.291.785</u>	<u>(39.153.219.864)</u>	<u>495.920.071.921</u>

(ii) Trong năm 2016, Công ty CP Công nghệ Việt Thành (“VITA”), công ty con, đã phát hành thêm 6.300.000 cổ phiếu, tương đương 63.000.000.000 VNĐ từ nguồn quỹ đầu tư phát triển. Trên báo cáo tài chính hợp nhất, phần vốn tăng tương ứng với 51% sở hữu của VTVcab tại VITA với giá trị 32.130.000.000 VNĐ được ghi nhận là vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) Theo Quyết định số 228/QĐ-THVN ngày 25 tháng 2 năm 2016 và biên bản chuyển giao vốn ngày 30 tháng 3 năm 2016, VTV đã chuyển giao toàn bộ quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn góp tại Smart Media, tương đương 18.000.000.000 Đồng Việt Nam, sang cho VTVcab. Theo đó, vốn góp của VTV tại VTVcab sẽ tăng lên một khoản tương ứng và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 16 tháng 5 năm 2016 đã cập nhật việc tăng vốn điều lệ này của VTVcab. Smart Media trở thành công ty liên kết của VTVcab (Thuyết minh 4(b)).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

23 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của lợi ích cổ đông không kiểm soát như sau:

	31.12.2016	1.1.2016
	VNĐ	VNĐ
Công ty con:		
- Công ty CP Công Nghệ Việt Thành	105.924.804.641	92.667.379.948
- Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	15.674.975.079	14.658.000.443
	<u>121.599.779.720</u>	<u>107.325.380.391</u>

Biến động trong lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm được trình bày như sau:

	2016	2015
	VNĐ	VNĐ
Công ty CP Công Nghệ Việt Thành:		
Số dư đầu năm	92.667.379.948	64.148.221.788
Biến động trong năm		
- Chia lợi nhuận sau thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	29.248.462.066	45.688.678.209
- Chia cổ tức (Thuyết minh 33(a))	(15.991.037.373)	(17.169.520.049)
Số dư cuối năm	<u>105.924.804.641</u>	<u>92.667.379.948</u>
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam:		
Số dư đầu năm	14.658.000.443	14.413.217.110
Biến động trong năm		
- Chia lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	993.020.128	88.773.017
- Chia lỗ cho đơn vị hợp tác kinh doanh	23.954.508	156.010.316
Số dư cuối năm	<u>15.674.975.079</u>	<u>14.658.000.443</u>
	<u>121.599.779.720</u>	<u>107.325.380.391</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

24 DOANH THU

	2016 VNĐ	2015 VNĐ (Trình bày lại)
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	8.346.597.183	21.243.879.588
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.239.482.505.828	1.985.923.905.329
Doanh thu được chia từ các hợp đồng BCC	168.301.645.638	177.979.468.912
Doanh thu chia đi từ các hợp đồng BCC	(260.904.554.724)	(167.202.270.304)
	<u>2.155.226.193.925</u>	<u>2.017.944.983.525</u>
Các khoản giảm trừ	(11.165.299.435)	(1.320.295.118)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>2.144.060.894.490</u>	<u>2.016.624.688.407</u>

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016 VNĐ	2015 VNĐ (Trình bày lại)
Chi phí hàng hóa đã bán	14.350.811.314	24.093.651.585
Chi phí dịch vụ đã cung cấp	1.397.024.173.877	1.283.244.081.615
Chi phí phân chia liên quan đến các hợp đồng BCC	77.188.825.569	76.797.706.444
	<u>1.488.563.810.760</u>	<u>1.384.135.439.644</u>

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Lợi nhuận thuần được chia từ hợp đồng BCC	-	190.937.970
Lãi tiền gửi	5.175.644.042	8.662.708.054
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	497.792.560	55.185.370
	<u>5.673.436.602</u>	<u>8.908.831.394</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí lãi vay	39.126.861.703	21.366.529.701
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	141.958.496	3.764.826.361
Lỗi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	447.097.010	2.842.471.786
(Hoàn nhập dự phòng)/trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn (Thuyết minh 4(c))	(760.626.070)	58.176.634.688
Khác	4.965.940	200.900
	<u>38.960.257.079</u>	<u>86.150.663.436</u>

28 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí quảng cáo	128.546.251.983	120.815.717.196
Chi phí nhân viên	39.959.258.397	32.773.651.413
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	22.423.317.258	14.147.529.275
Chi phí phân chia liên quan đến các hợp đồng BCC	(3.133.705.862)	(959.102.076)
Chi phí khác	6.976.378.792	2.547.400.414
	<u>194.771.500.568</u>	<u>169.325.196.222</u>

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VNĐ	2015 VNĐ (Trình bày lại)
Chi phí nhân viên	96.612.961.606	93.660.470.838
Chi phí khấu hao TSCĐ	70.660.869.931	50.072.237.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.431.466.853	41.484.675.338
Chi phí công tác, hội thảo và đào tạo	13.048.414.326	11.139.253.083
Đồ dùng thiết bị văn phòng	20.978.351.679	14.958.698.240
Lợi thế thương mại phát sinh từ các hợp đồng mua tài sản (Thuyết minh 9(b))	28.875.267.088	24.062.691.605
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 13)	11.320.772.146	11.320.772.146
Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.771.359.182)	(19.589.730.766)
Chi phí phân chia liên quan đến các hợp đồng BCC	(14.404.079.521)	(15.135.010.940)
Chi phí khác	29.402.756.904	22.527.160.787
	<u>300.155.421.830</u>	<u>234.501.217.331</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

30 THU NHẬP KHÁC

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý hợp đồng	-	13.509.290.860
Hàng biếu tặng, khuyến mãi nhận được	335.400.260	2.506.255.286
Thu nhập khác	1.012.800.697	2.674.052.291
	<u>1.348.200.957</u>	<u>18.689.598.437</u>
Chi phí khác		
Chi phí khác	(867.788.766)	(785.041.534)
	<u>480.412.191</u>	<u>17.904.556.903</u>

31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty và các công ty con trong năm được trình bày như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế sau hợp nhất	104.726.392.520	172.007.578.425
Điều chỉnh hợp nhất báo cáo tài chính	53.943.060.373	28.325.468.937
	<u>158.669.452.893</u>	<u>200.333.047.362</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty và các công ty con trước hợp nhất	158.669.452.893	200.333.047.362
Thuế tính ở thuế suất 20% (2015: 22%)	31.733.890.579	44.073.270.420
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(3.877.398.363)	(4.227.050.811)
Chi phí không được khấu trừ	903.886.241	273.055.853
Chuyển lỗ tính thuế	(407.168.114)	(40.644.065)
Ảnh hưởng từ chênh lệch thuế suất	-	1.427.049.181
Khác	(100.911.077)	-
	<u>28.252.299.266</u>	<u>41.505.680.578</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh:

Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	16.729.323.932	46.668.938.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp - phân chia từ đối tác liên quan tới các hợp đồng BCC	144.810.667	203.842.113
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 12)	11.378.164.667	(5.367.099.874)
	<u>28.252.299.266</u>	<u>41.505.680.578</u>

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016	2015
	VNĐ	VNĐ
		(Trình bày lại)
Chi phí nguyên vật liệu	138.808.423.385	187.392.441.895
Chi phí nhân viên	379.036.641.375	338.413.208.752
Chi phí khấu hao TSCĐ	301.528.175.159	275.651.459.406
Chi phí bản quyền và sản xuất chương trình	561.373.215.675	409.597.692.968
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	150.957.045.043	165.451.527.668
Chi phí phân chia liên quan đến hợp đồng BCC	59.651.040.186	55.175.679.657
Chi phí thuê (cột điện, đường truyền, văn phòng...)	121.832.464.026	139.408.025.204
Lợi thế thương mại phát sinh từ các hợp đồng mua tài sản	28.875.267.088	24.062.691.605
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	11.320.772.146	11.320.772.146
Chi phí khác	85.761.550.198	78.131.909.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.117.498.059	122.946.175.288
Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.771.359.182)	(19.589.730.766)
	<u>1.983.490.733.158</u>	<u>1.787.961.853.197</u>

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty được kiểm soát bởi Đài Truyền hình Việt Nam (“VTV”), đơn vị sở hữu 100% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Các bên liên quan có giao dịch với Tổng Công ty và các công ty con trong năm như sau:

Công ty	Quan hệ
Đài Truyền hình Việt Nam (“VTV”)	Công ty mẹ
Ban Biên tập Truyền hình cấp	Thành viên VTV
Trung tâm quảng cáo Đài Truyền hình Việt Nam	Thành viên VTV
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam (“VSTV”)	Công ty con thuộc VTV
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (“SCTV”)	Công ty liên doanh của VTV
Công ty CP VTVcab Nam Định	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI (“VTV-HYUNDAI”)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện (“Smart Media”)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Thuận Phát	Cổ đông của VTVLIVE
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt	Công ty được sở hữu bởi một cổ đông của VITA

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	17.322.829.500	8.579.807.272
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	42.119.880.554	41.488.080.937
Công ty CP VTVcab Nam Định	6.756.714.384	16.507.410.796
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	11.746.145.830	-
Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Thuận Phát	669.114.211	9.043.075
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Trung tâm quảng cáo Đài Truyền hình Việt Nam	1.214.445.455	1.106.836.362
Ban Biên tập Truyền hình cáp	83.446.927.660	74.513.863.517
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	34.827.614.093	41.694.263.637
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	37.079.333.267	54.600.365.032
Công ty CP VTVcab Nam Định	-	4.823.687.407
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	356.772.727	-
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt	1.943.046.240	2.006.542.796
Trả tiền thuê văn phòng	528.000.000	528.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>Trả cổ tức và phân chia lợi nhuận</i>		
Trả cổ tức cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát của công ty con (Thuyết minh 23)	15.991.037.373	17.169.520.049
Chuyển lợi nhuận về Đài Truyền hình Việt Nam	66.640.000.000	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>Góp vốn vào công ty liên kết (Thuyết minh 4(b))</i>		
Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện (từ chuyển giao phần góp vốn từ VTV sang cho VTVcab)	18.000.000.000	-
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	111.275.000.000	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	129.275.000.000	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	5.337.211.315	5.663.292.135
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>Các giao dịch khác</i>		
Đài Truyền hình Việt Nam	83.800.000	-
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	-	255.434.547
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh 5)</i>		
Công ty TNHH truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	15.239.572.727	18.687.272.727
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	2.673.611.111	2.747.555.506
Công ty CP VTVcab Nam Định	115.344.500	726.810.500
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt	-	66.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Thuận Phát	2.510.000.000	-
	<u>20.538.528.338</u>	<u>22.227.638.733</u>
<i>Phải thu dài hạn của khách hàng</i>		
Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Thuận Phát	-	2.940.000.000
	<u>-</u>	<u>2.940.000.000</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))</i>		
Công ty CP VTVcab Nam Định	2.296.934.640	268.410.715
	<u>2.296.934.640</u>	<u>268.410.715</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14(a))</i>		
Ban Biên tập Truyền hình cáp	31.291.620.426	13.894.946.775
Công ty TNHH truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	11.713.892.500	9.689.775.500
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	1.576.666.595	884.782.248
	<u>44.582.179.521</u>	<u>24.469.504.523</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 15(a))</i>		
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	13.909.374.996	-
Công ty CP VTVcab Nam Định	13.059.819	-
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	3.030.303.036	6.701.628.030
	<u>16.952.737.851</u>	<u>6.701.628.030</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.12.2016 VNĐ	1.1.2016 VNĐ
<i>Người mua trả tiền trước - dài hạn (Thuyết minh 15(b))</i>		
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	106.006.297.356	-
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 17)</i>		
Công ty TNHH truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	-	1.143.736.363
Công ty Truyền hình cáp Saigontourist	-	255.434.547
	-	1.399.170.910
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18(a))</i>		
Đài Truyền hình Việt Nam	51.823.780.000	30.000
Công ty CP VTVcab Nam Định	305.550	94.600
	51.824.085.550	124.600

34 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm bao gồm:

- (i) Tổng Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI bằng cách cân trừ công nợ với khoản phải thu về phí sử dụng độc quyền bí quyết kỹ thuật phát sóng kênh mua sắm tại nhà với số tiền là 111.275.000.000 Đồng Việt Nam (Thuyết minh 4(b)).
- (ii) Đài Truyền hình Việt Nam đã tăng vốn góp của chủ sở hữu và Tổng Công ty bằng cách chuyển giao toàn bộ quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện với số tiền là 18.000.000.000 Đồng Việt Nam sang cho Tổng Công ty (Thuyết minh 22).
- (iii) Trong năm, các cổ đông của Công ty CP Công nghệ Việt Thành (“VITA”) – công ty con đã phê duyệt việc phát hành thêm 6.300.000 cổ phiếu, tương đương 63.000.000.000 VNĐ từ nguồn quỹ đầu tư phát triển.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

35 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Công ty CP Công nghệ Việt Thành (“VITA”), công ty con, Đại hội đồng cổ đông của VITA đã phê duyệt việc trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với số tiền lần lượt là 38.553.238.911 Đồng Việt Nam, 2.000.000.000 Đồng Việt Nam, 1.235.000.000 Đồng Việt Nam và 17.902.500.000 Đồng Việt Nam.

36 SỐ LIỆU SO SÁNH

Trong năm 2016, báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm tra cho mục đích cổ phần hóa. Tổng Công ty đã thực hiện các điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước vào báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2015. Do đó, số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày lại. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tóm lược)

Mã số	Khoản mục	Tại ngày 31.12.2015	Điều chỉnh của	Tại ngày 1.1.2016
		(Theo báo cáo trước đây) VNĐ	Kiểm toán Nhà nước VNĐ	(Trình bày lại) VNĐ
136	Phải thu ngắn hạn khác	53.082.656.599	549.111.799	53.631.768.398
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.202.227.673	(53.044.450)	1.149.183.223
261	Chi phí trả trước dài hạn	328.928.603.652	2.488.533.829	331.417.137.481
270	Tổng tài sản	2.203.383.482.401	2.984.601.178	2.206.368.083.579
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	19.973.868.301	734.943.444	20.708.811.745
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	39.808.771.756	(356.050.838)	39.452.720.918
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	64.077.296.996	709.742.235	64.787.039.231
418	Quỹ đầu tư phát triển	41.673.439.976	1.895.966.337	43.569.406.313
440	Tổng nguồn vốn	2.203.383.482.401	2.984.601.178	2.206.368.083.579

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tóm lược)

Mã số	Khoản mục	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		Theo báo cáo trước đây VNĐ	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VNĐ	Trình bày lại VNĐ
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.016.827.749.210	1.117.234.315	2.017.944.983.525
11	Giá vốn hàng bán	(1.383.870.323.516)	(265.116.128)	(1.384.135.439.644)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(236.989.751.160)	2.488.533.829	(234.501.217.331)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(46.137.837.008)	(734.943.444)	(46.872.780.452)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	127.896.189.275	2.605.708.572	130.501.897.847

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

36 SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tóm lược)

Mã số	Khoản mục	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		Theo báo cáo trước đây VNĐ	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VNĐ	Trình bày lại VNĐ
01	Lợi nhuận trước thuế	168.666.926.409	3.340.652.016	172.007.578.425
09	Tăng các khoản phải thu	(100.466.630.770)	(496.067.349)	(100.962.698.119)
11	Tăng các khoản phải trả	139.853.452.601	(356.050.838)	139.497.401.763
12	Tăng chi phí trả trước	(2.185.635.103)	(2.488.533.829)	(4.674.168.932)

Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước chủ yếu liên quan đến việc phân bổ lại lợi thế thương mại theo thời hạn 10 năm để phù hợp với nguyên tắc kế toán các khoản lợi thế thương mại và các điều chỉnh phân chia doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng BCC sau khi quyết toán với các bên đối tác. Theo đó, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân chia các quỹ trong năm 2015 cũng được điều chỉnh tương ứng.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Lãnh đạo Tổng Công ty duyệt ngày 28 tháng 4 năm 2017.



Nguyễn Hoàng Giang
Người lập



Trần Ngọc Huyền
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huân
Tổng Giám đốc